

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN GIỒNG TRÔM  
TỈNH BẾN TRE**

Bản án số: 13/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 28-01-2021

*“V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con”*

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GIỒNG TRÔM, TỈNH BẾN TRE**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* bà Đỗ Thị Mộng Tuyền.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Trần Văn Ân.

2. Ông Huỳnh Đức Tâm.

**- Thư ký phiên tòa:** bà Huỳnh Như Thắm – Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre tham gia phiên tòa:** bà Đỗ Thị Hồng Thắm – Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 01 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 340/2020/TLST-HNGĐ ngày 05 tháng 10 năm 2020 về ly hôn, tranh chấp về nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 267/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 23 tháng 12 năm 2020 giữa các đương sự:

*Nguyên đơn:* ông Nguyễn Hữu C, sinh năm: 1982;

Địa chỉ: Tổ 2, ấp B, xã C, huyện P, tỉnh Kiên Giang.

*Bị đơn:* bà Nguyễn Thị V, sinh năm: 1980;

Địa chỉ: ấp A, xã T, huyện G, tỉnh Bến Tre.

Tại phiên tòa, ông C và bà V vắng mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Trong đơn khởi kiện, bản khai và đơn xin giải quyết, xét xử vắng mặt, nguyên đơn là ông Nguyễn Hữu C trình bày:

Hôn nhân của ông và bà Nguyễn Thị V là do tự nguyện. Ông bà có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện G, tỉnh Bến Tre vào ngày 28 tháng 7 năm 2004. Sau khi cưới, ông bà tạo dựng hạnh phúc gia đình và chăm lo cho các con. Tuy nhiên, một thời gian sau, giữa vợ chồng ông thường hay nảy sinh mâu thuẫn do không có tiếng nói chung trong cuộc sống, hay cãi vã làm ảnh hưởng đến tình cảm vợ chồng và hạnh phúc gia đình. Mâu thuẫn của ông bà ngày càng tăng, ông bà không còn quan tâm giúp đỡ nhau như trước nữa nên ông bà đã ly thân đến nay

hơn 04 năm. Nay thấy thời gian ly thân đã lâu, cuộc sống hôn nhân không còn hạnh phúc, không thể nào hàn gắn và tiếp tục chung sống với nhau được nữa nên ông yêu cầu Tòa án giải quyết cho ông được ly hôn với bà V.

Ông và bà V có 02 người con chung là Nguyễn Thị Thúy D1, sinh ngày 15 tháng 8 năm 2004 và Nguyễn Quốc D2, sinh ngày 30 tháng 6 năm 2007. Hiện 02 người con chung do ông nuôi dưỡng. Ông yêu cầu được tiếp tục nuôi 02 người con chung, không yêu cầu bà V cấp dưỡng cho con.

Ông và bà V không có tài sản chung, nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Do ông ở xa, điều kiện đi lại khó khăn nên ông yêu cầu Tòa án giải quyết xét xử vụ án vắng mặt ông, ông không khiếu nại về sau.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án nhân dân huyện Giồng Trôm đã thông báo và tổ chức các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, đồng thời mở phiên tòa xét xử vụ án nhưng bà V đều vắng mặt không có lý do và không có ý kiến phản đối yêu cầu khởi kiện của ông C.

Tại phiên tòa, Đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện Giồng Trôm phát biểu ý kiến:

Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án: Thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: nguyên đơn ông Nguyễn Hữu C thực hiện đúng quy định tại Điều 70, 71 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn bà Nguyễn Thị V không thực hiện đúng quy định tại Điều 70, 72 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án:

Căn cứ vào các Điều 56, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và Gia đình, đề nghị Hội đồng xét xử:

- Về hôn nhân: chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Hữu C về việc xin ly hôn với bà Nguyễn Thị V, ông C được ly hôn với bà V.

- Về con chung: ông Nguyễn Hữu C được tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng cháu Nguyễn Thị Thúy D1, sinh ngày 15 tháng 8 năm 2004 và Nguyễn Quốc D2, sinh ngày 30 tháng 6 năm 2007 đến khi hai cháu thành niên.

Ghi nhận việc ông C không yêu cầu bà V cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản chung, nợ chung: ông C khai không có nên không yêu cầu giải quyết.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Về tố tụng:

Nguyên đơn ông Nguyễn Hữu C khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre giải quyết ly hôn và tranh chấp về nuôi con với bị đơn bà Nguyễn Thị V. Bà V cư trú tại xã T, huyện G, tỉnh Bến Tre. Căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố

tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre.

Ông C có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Bà V đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt tại phiên tòa không có lý do. Vì vậy, Căn cứ theo quy định tại các khoản 1, 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt ông C và bà V.

[2] Về quan hệ hôn nhân: ông C và bà V tự nguyện đăng ký kết hôn vào ngày 28 tháng 7 năm 2004 tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện G, tỉnh Bến Tre nên quan hệ hôn nhân của ông bà là hợp pháp, được tôn trọng và được pháp luật bảo vệ.

Tuy nhiên, theo ông C trình bày trong quá trình chung sống, ông bà phát sinh mâu thuẫn nhưng không tự giải quyết được và đã không chung sống với nhau hơn 04 năm. Hiện ông không còn tình cảm với bà V nên ông khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết cho ông được ly hôn với bà V.

Với yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của ông C, bà V không có ý kiến phản đối, bỏ mặc cho ông C tự giải quyết.

Xét thấy, giữa ông C và bà V không còn tình nghĩa vợ chồng vì không thương yêu, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau, không cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình. Bên cạnh đó, ông bà đã không chung sống với nhau trong thời gian dài.

Từ đó có đủ cơ sở khẳng định hôn nhân của ông C và bà V lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, căn cứ vào Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của ông C để giải quyết cho ông C được ly hôn với bà V.

[3] Về con chung: ông C trình bày ông C và bà V có 02 người con chung là Nguyễn Thị Thúy D1, sinh ngày 15 tháng 8 năm 2004 và Nguyễn Quốc D2, sinh ngày 30 tháng 6 năm 2007. Hiện 02 người con chung đang sống với ông C. Ông C yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng 02 người con chung. Bà V không có yêu cầu được trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn và không có ý kiến phản đối với lời trình bày của ông C.

Vì vậy, căn cứ vào hồ sơ vụ án, xét thấy ông C và bà V có 02 người con chung là Nguyễn Thị Thúy D1, sinh ngày 15 tháng 8 năm 2004 và Nguyễn Quốc D2, sinh ngày 30 tháng 6 năm 2007. Hiện các con đang sống với ông C. Nhằm đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của trẻ, Hội đồng xét xử giao các con chung cho ông C tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp, điều này cũng phù hợp với nguyện vọng của trẻ là muốn chung sống với cha.

Về việc cấp dưỡng cho con: theo quy định tại khoản 2 Điều 82 và khoản 1 Điều 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình thì ông C có quyền yêu cầu bà V thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng cho cháu D1 và cháu D2. Tuy nhiên do ông C không yêu cầu nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: ông C trình bày ông và bà V không có tài sản chung, nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Đối với bà V thì vắng mặt, không có ý kiến. Vì vậy, Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử xét thấy lời đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Giồng Trôm là phù hợp nên được chấp nhận.

[6] Về án phí dân sự sơ thẩm: ông C phải chịu án phí là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự, khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng phí đã nộp là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng).

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào các Điều 56, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình; Điều 147, các khoản 1, 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Hữu C. Ông Nguyễn Hữu C được ly hôn với bà Nguyễn Thị V.

2. Về con chung: giao cháu Nguyễn Thị Thúy D1, sinh ngày 15 tháng 8 năm 2004 và cháu Nguyễn Quốc D2, sinh ngày 30 tháng 6 năm 2007 cho ông Nguyễn Hữu C tiếp tục trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi đủ 18 tuổi.

Ghi nhận việc ông Nguyễn Hữu C không yêu cầu bà Nguyễn Thị V cấp dưỡng cho con.

Vì lợi ích của con, một hoặc cả hai bên có quyền yêu cầu Tòa án quyết định việc cấp dưỡng cho con.

Trong trường hợp có yêu cầu của một hoặc cả hai bên hoặc cá nhân, cơ quan, tổ chức quy định tại khoản 5 Điều 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Hội đồng xét xử không xem xét.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Buộc ông Nguyễn Hữu C phải chịu án phí là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng phí đã nộp là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0002567 ngày 05 tháng 10 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre.

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết, các đương sự được quyền kháng cáo bản án này để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre xét xử phúc thẩm.

#### **Nơi nhận:**

- Các đương sự;
- VKSND huyện Giồng Trôm;
- Chi cục THADS huyện Giồng Trôm;
- TAND tỉnh Bến Tre;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TÒA**

(ĐÃ KÝ)

- UBND xã T, huyện G,  
tỉnh Bến Tre;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**Đỗ Thị Mộng Tuyền**